

**Name:** .....  
**Date:** .../ .../ 20...  
**Class:** S8  
**Tel:** 034 200 9294



**Vocabulary:** .....  
**Listening:** .....  
**Mini Test:** .....

## **HOBBIES & INTERESTS**

## **VOCABULARY & DEBATE**

**\*Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

## VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
	<b>fascinating</b> (a)	hấp dẫn, lôi cuốn	12	<b>draw many lessons for oneself</b> (phr.v)	rút ra nhiều bài học cho chính ai
2	<b>time-consuming</b> (a)	tốn nhiều thời gian	13	<b>hit the gym</b> (phr.v)	tập thể dục
3	<b>appealing</b> (a)	lôi cuốn	14	<b>therapeutic</b> (a)	(y học) thuộc điều trị, trị liệu
4	<b>adventurous</b> (a)	phiêu lưu, mạo hiểm	15	<b>amusement</b> (n)	sự thích thú
5	<b>meaningful</b> (a)	có ý nghĩa	16	<b>crafting</b> (n)	thủ công
6	<b>be crazy about</b> (a)	say mê với	17	<b>go window-shopping</b> (phr.v)	đi xem hàng hóa nhưng không mua
7	<b>have a great passion for</b> (phr.v)	ham mê làm việc gì	18	<b>couch potato</b> (n)	chỉ những người nghiện xem TV và lười vận động
8	<b>be a big fan of</b>	quá thích cái gì	19	<b>catch up on</b> (phr.v)	cố gắng làm một việc gì đó vì đã bỏ lỡ trước đó
9	<b>(not) my cup of tea</b>	(không phải) là sở thích của ai	20	<b>gossip with</b> (phr.v)	nói chuyện phiếm, ngòi lê đồi mách
10	<b>broaden</b> (v)	mở rộng	21	<b>boost family concord</b> (phr.v)	tăng cường kết nối với gia đình
11	<b>perspective on life</b>	quan điểm sống			

\* Note: n = noun; danh từ; a = adjective; tính từ; phr.v = phrasal verb; cum động từ.

\* Con thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

## HOMEWORK

**I. Choose the correct ANTONYM of the underlined word in each of the following sentences.**

9. She is one of the most **influential** figures in local politics.

A. *ineffectual*      B. *impactful*      C. *important*

1. I'm a big fan of computer games.

A. fascinated by      B. crazy about      C. unimpressed

**II. Read the descriptions of the following words. Then write the complete words (some letters are already there).**

### 0. the sound you make by

*playing instruments or*

singing

## **MUSIC**

1. a person who spends too much time watching television

— — — U — H — — — — A — — —

2. to make or become broad or broader

\_\_\_\_\_ R \_\_\_\_\_ A \_\_\_\_\_ E \_\_\_\_\_

3. of or concerning the healing and curing of disease

T \_\_\_\_\_ A \_\_\_\_\_ E \_\_\_\_\_ I \_\_\_\_\_

4. to talk about other people's private lives, often in an unkind way

5. to visit stores, or look in their windows, to see what is available without buying anything.

For more information, contact the Office of the Vice President for Research and the Office of the Vice President for Student Affairs.

CAMBRIDGE PRACTICE

### \*Luu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.

## 2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

**Con hãy mở link nghe sau bằng máy tính nhé:**

<https://youtu.be/onoBWjjsxNs>

You will hear a man called Jim Green talking about how to get into the music industry. For questions 9–18, complete the sentences with a word or short phrase.

---

## Getting into the music industry

Jim recommends looking at (9) ..... magazines to learn more about the music industry.

Jim stresses the importance of having a (10) ..... CV.

Jim points out that many unpaid internships involve doing (11) ..... work.

Jim says he himself started out working as what is called a '(12) .....'.

Jim advises people not to (13) ..... themselves when applying for internships.

Jim volunteered at music (14) ..... before he got his first job.

According to Jim, having volunteering experience shows that a person has gained (15) ..... knowledge.

Jim also recommends attending (16) ..... , networking events and specialist talks.

Jim mentions some events where people can talk to music industry professionals in jobs ranging from (17) ..... to producing music digitally.

Jim points out that people also work as (18) ..... and lawyers in the music industry.

Con hãy mở link nghe sau bằng máy tính nhé:

<https://youtu.be/4beVQ6I2dl8>

For questions 19–23, choose from the list (A–H) what each speaker says about listening to music. Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

A It helps me to focus at work.

Speaker 1

19

B It brings back memories.

Speaker 2

20

C It is a good way to relax.

Speaker 3

21

D It provides me with inspiration.

Speaker 4

22

E It is a requirement of my job.

Speaker 5

23

F It makes me feel more energetic.

G It makes time seem to pass more quickly.

H It is something I can sit and enjoy with other people.

**I. Choose the correct answer.**

**II. Fill in each blank with ONE suitable word/ phrase from the hint in the bracket.**

1. "Deutschlandlied" is based on the m (a song or tune) from a work by Haydn.
2. His great love within mathematics was g (the study in mathematics of the angles and shapes formed by the relationships of lines, surfaces, and solid objects in space), and this turned out to be his lifelong field.
3. Francis retired from racing but has built a new career as a best selling t (a book or film that tells an exciting story about murder or crime) writer.
4. Today the e (a small group of musicians, actors, or dancers who perform together regularly) are well established and perform a wide and varied repertoire ranging from renaissance to contemporary music.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!

